

KẾ HOẠCH MGTLP ĐỘI I NĂM 2026 BƠM ĐIỆN

SỐ HĐ	HỌ VÀ TÊN	DIỆN TÍCH LÚA(HA)			DIỆN TÍCH MÀU (HA)			GHI CHU
		ĐX	HT	CỘNG	ĐX	HT	CỘNG	
1/1	Đỗ Hữu Giới	0.1730	0.1730	0.3460				
2/1	Huỳnh Thị Tánh	0.0504	0.0504	0.1008				
3/1	Huỳnh Thị Hoa	0.0665	0.0665	0.1330				
4/1	Nguyễn Văn Chín	0.0543	0.0543	0.1086				
5/1	Tran Thị Nhan	0.0500	0.0500	0.1000				
6/1	Phạm Nhỏ	0.1596	0.1596	0.3192				
7/1	Phan Thị Hồ	0.1330	0.1330	0.2660				
8/1	Nguyễn Văn Cường	0.1720	0.1720	0.3440				
9/1	Huỳnh Thị Yến	0.0500	0.0500	0.1000				
10/1	Huỳnh Thị Nhì	0.0500	0.0500	0.1000				
11/1	Phan Thị Minh	0.0505	0.0505	0.1010				
12/1	Nguyễn Thị Lộc	0.0240	0.0240	0.0480				
13/1	Đỗ Thị Diễm	0.0608	0.0608	0.1216				
14/1	Nguyễn Thị Phụng	0.0564	0.0564	0.1128				
15/1	Vương Đại	0.1529	0.1529	0.3058				
16/1	Nguyễn Thị Đông	0.1236	0.1236	0.2472				
17/1	Nguyễn Thị Chà	0.1524	0.1524	0.3048				
18/1	Tô Thị Chính	0.0410	0.0410	0.0820				
19/1	Ng. Đình Nguyên	0.3373	0.3373	0.6746				
20/1	Phạm Thị Dẽ	0.1142	0.1142	0.2284				
21/1	Trần Thị Nhân	0.0847	0.0847	0.1694				
22/1	Phạm Thị Mận	0.1559	0.1559	0.3118				
23/1	Đỗ Thị Tía	0.1971	0.1971	0.3942				
24/1	Trang Thị Thiện	0.0984	0.0984	0.1968				
25/1	Nguyễn Thị Một	0.0644	0.0644	0.1288				
26/1	Nguyễn Thị Lý	0.0750	0.0750	0.1500				
27/1	Võ Đẩu	0.0478	0.0478	0.0956				
28/1	Phan Thị Sau	0.0482	0.0482	0.0964				
29/1	Trần Thị Cẩm	0.0467	0.0467	0.0934				
30/1	Võ Thị Thành	0.0770	0.0770	0.1540				
31/1	Lữ Thị Huệ	0.1854	0.1854	0.3708				
32/1	Đỗ Hữu Thanh	0.1010	0.1010	0.2020				
33/1	Đỗ Hữu Thái	0.2386	0.2386	0.4772				
34/1	Phan Thị Kỳ	0.0933	0.0933	0.1866				
35/1	Huỳnh Thị Hương	0.0893	0.0893	0.1786				
36/1	Đỗ Văn Hiếu	0.0833	0.0833	0.1666				
37/1	Nguyễn Đình Em	0.1083	0.1083	0.2166				
38/1	Nguyễn Đình Lệ	0.1500	0.1500	0.3000				
39/1	Trần Thị Lý	0.0732	0.0732	0.1464				
40/1	Võ Thị Mạnh	0.1562	0.1562	0.3124				
41/1	Võ Thị Nguyệt	0.1364	0.1364	0.2728				
42/1	Trần Thị Mai	0.3222	0.3222	0.6444				
43/1	Phạm Bay	0.0450	0.0450	0.0900				

SỐ HĐ	HỌ VÀ TÊN	DIỆN TÍCH LÚA(HA)			DIỆN TÍCH MÀU (HA)			GHI
		ĐX	HT	CỘNG	ĐX	HT	CỘNG	
44/1	Đỗ Thị Lan	0.0800	0.0800	0.1600				
45/1	Khương Thị Chiến	0.2099	0.2099	0.4198				
46/1	Nguyễn Thị Tâm	0.0450	0.0450	0.0900				
47/1	Phạm Thị Ngò	0.0440	0.0440	0.0880				
48/1	Tô Văn Hưng	0.2553	0.2553	0.5106				
49/1	Phan Thị Ca	0.0750	0.0750	0.1500				
50/1	Đỗ Trúóc	0.0500	0.0500	0.1000				
51/1	Tô Giỏi	0.0970	0.0970	0.1940				
52/1	Phạm Ta	0.1120	0.1120	0.2240				
53/1	Huỳnh Cơ	0.0950	0.0950	0.1900				
54/1	Võ Thị Nghẽ	0.1060	0.1060	0.2120				
55/1	Đỗ Thị Mỹ	0.0495	0.0495	0.0990				
56/1	Đỗ Mạn	0.0495	0.0495	0.0990				
57/1	Đỗ Văn Nguỡng	0.1500	0.1500	0.3000				
58/1	Trương Siêng	0.0540	0.0540	0.1080				
59/1	Đỗ Chối	0.0300	0.0300	0.0600				
60/1	Võ Chiến	0.0930	0.0930	0.1860				
61/1	Võ Đấu	0.0800	0.0800	0.1600				
62/1	Võ Thị Cam	0.1310	0.1310	0.2620				
63/1	Đỗ Thị Lại	0.1823	0.1823	0.3646				
	Tổng cộng:	6.7378	6.7378	13.4756				

Cảm kim ngày 30 tháng 9 năm 202

TM/ TỔ HỢP TÁC DÙNG NƯỚC CẦ

TỔ TRƯỞNG



Đỗ Thị Rợ

**KẾ HOẠCH MGTLP ĐỘI II NĂM 2026 BƠM ĐIỆN**

Số HĐ	HỌ VÀ TÊN	DIỆN TÍCH LÚA LÚA(HA)			DIỆN TÍCH MÀU(HA)			GHI CHU
		ĐX	HT	CỘNG	ĐX	HT	CỘNG	
1/2	Phạm Xuân Cán	0.2078	0.2078	0.4156				
2/2	Phạm Thị Đào	0.0404	0.0404	0.0808				
3/2	Phạm Thị Khoẻ	0.0812	0.0812	0.1624				
4/2	Nguyễn Nhung`	0.1575	0.1575	0.3150				
5/2	Phạm Thị Thìn	0.1283	0.1283	0.2566				
6/2	Phan thị Hoa	0.1860	0.1860	0.3720				
7/2	Nguyễn Thị Tàu	0.2948	0.2948	0.5896				
8/2	Nguyễn Thị Lân	0.0284	0.0284	0.0568				
9/2	Hứa Thị Phụng	0.0476	0.0476	0.0952				
10/2	Phan Toan	0.1960	0.1960	0.3920				
11/2	Huỳnh Thị Đề	0.0550	0.0550	0.1100				
12/2	Trần Thị Thuý	0.2587	0.2587	0.5174				
13/2	Trần Thị Tư(Đông)	0.2648	0.2648	0.5296				
14/2	Huỳnh Thị Thích	0.0579	0.0579	0.1158				
15/2	Nguyễn Đình Thọ	0.2168	0.2168	0.4336				
16/2	Nguyễn Thị Cúc(T)	0.0470	0.0470	0.0940				
17/2	Ngô Ban	0.1459	0.1459	0.2918				
18/2	Nguyễn Thị Đường	0.0598	0.0598	0.1196				
19/2	Nguyễn Sỹ Túc	0.1319	0.1319	0.2638				
20/2	Võ Thị Hoa	0.2087	0.2087	0.4174				
21/2	Nguyễn Thị Quyên	0.1230	0.1230	0.2460				
22/2	Dương Thị Nam	0.0880	0.0880	0.1760				
23/2	Nguyễn Thị Liên(An)	0.2347	0.2347	0.4694				
24/2	Lữ Thị Nữ	0.1743	0.1743	0.3486				
25/2	Huỳnh Thị Thương	0.0785	0.0785	0.1570				
26/2	Nguyễn Thị Diễm	0.1054	0.1054	0.2108				
27/2	Phan Thị Thành	0.1020	0.1020	0.2040				
28/2	Phạm Thị Kiều	0.0800	0.0800	0.1600				
29/2	Nguyễn Đình Tùng	0.1698	0.1698	0.3396				
30/2	Võ Thị Hữu	0.0964	0.0964	0.1928				
31/2	Phan Thị Đề	0.1074	0.1074	0.2148				
32/2	Huỳnh Kim Chi	0.1082	0.1082	0.2164				
33/2	Phạm Mót	0.1467	0.1467	0.2934				
34/2	Nguyễn Thị Lệ	0.0843	0.0843	0.1686				
35/2	Nguyễn Văn Xỳ	0.2232	0.2232	0.4464				
36/2	Đỗ Thị Bảy	0.0846	0.0846	0.1692				
37/2	Phan Thị Nữ	0.1003	0.1003	0.2006				
38/2	Huỳnh Thị Hải	0.0836	0.0836	0.1672				
39/2	Trương Thị Hân	0.1129	0.1129	0.2258				

Số HĐ	HỌ VÀ TÊN	DIỆN TÍCH LÚA LÚA(HA)			DIỆN TÍCH MÀU(HA)			GHI C
		ĐX	HT	CỘNG	ĐX	HT	CỘNG	
86/2	Phan Thị Huệ	0.1122	0.1122	0.2244				
87/2	Trần Thị Khách	0.0927	0.0927	0.1854				
88/2	Huỳnh Thị Cường	0.0496	0.0496	0.0992				
89/2	Lương Thị Giỏi	0.0689	0.0689	0.1378				
90/2	Võ Thị Phước	0.0994	0.0994	0.1988				
91/2	Nguyễn Thị Hết	0.0912	0.0912	0.1824				
92/2	Phan Thị Thơ	0.1130	0.1130	0.2260				
93/2	Huỳnh Thị Phi	0.0500	0.0500	0.1000				
94/2	Huỳnh Kim Thương	0.0500	0.0500	0.1000				
95/2	Lương Thị Hận	0.0500	0.0500	0.1000				
96/2	Phạm Thị Lan	0.1183	0.1183	0.2366				
97/2	Diệp Ta	0.0370	0.0370	0.0740				
98/2	Nguyễn Đình Hai	0.0800	0.0800	0.1600				
	TC:	10.3535	10.3535	20.7070				

Cam Kim ngay 30 tháng 9 năm 2  
 TM/TỔ HỢP TÁC DÙNG NƯỚC CẨM

TỔ TRƯỞNG



ĐỖ THỊ R

SỐ HĐ	HỌ VÀ TÊN	DIỆN TÍCH LÚA(HA)			DIỆN TÍCH MÀU(HA)			GHI C
		ĐX	HT	CỘNG	ĐX	HT	CỘNG	
1/3	Trương Thị Hoa	0.1250	0.1250	0.2500				
2/3	Huỳnh Thị Sanh	0.0840	0.0840	0.1680				
3/3	Đoàn Thị Sương	0.0754	0.0754	0.1508				
4/3	Nguyễn Thị Bích Nga	0.1114	0.1114	0.2228				
5/3	Phan Xuân Thống	0.1592	0.1592	0.3184				
6/3	Trần Thị Tri	0.0708	0.0708	0.1416				
7/3	Trần Tài	0.0958	0.0958	0.1916				
8/3	Trần Thị Chân	0.1614	0.1614	0.3228				
9/3	Dương Thị Phượng	0.0605	0.0605	0.1210				
10/3	Phan Xuân Long	0.1556	0.1182	0.2738				
11/3	Huỳnh Kim Phong	0.1332	0.1332	0.2664				
12/3	Trần Thị Thuý	0.0811	0.0511	0.1322				
13/3	Đỗ Thị Mươi	0.2534	0.1784	0.4318				
14/3	Trương Thị Thắm	0.1255	0.0555	0.1810				
15/3	Lê Thị Tre	0.0710	0.0710	0.1420				
16/3	Nguyễn Thị Cường	0.0463	0.0463	0.0926				
17/3	Trần Thị Khách	0.1001	0.1001	0.2002				
18/3	Tô Thị Loan	0.0687	0.0687	0.1374				
19/3	Phan Thị Luận	0.0953	0.0983	0.1936				
20/3	Nguyễn Thị Bán	0.2583	0.2583	0.5166				
21/3	Nguyễn Thị Mót	0.0915	0.0915	0.1830				
22/3	Nguyễn Thị Lan	0.0526	0.0526	0.1052				
23/3	Phạm Thị Hiệp	0.0480	0.0480	0.0960				
24/3	Nguyễn Thị Hạnh	0.0850	0.0850	0.1700				
25/3	Nguyễn Thị Nuôi	0.2004	0.2004	0.4008				
26/3	Đỗ Thị Hát(Tân)	0.0803	0.0803	0.1606				
27/3	Huỳnh Thị Phẩm	0.1244	0.1244	0.2488				
28/3	Phan Thị Nga(Q)	0.0790	0.0790	0.1580				
29/3	Huỳnh Tấn Lộc	0.0566	0.0566	0.1132				
30/3	Nguyễn Duy Địch	0.0724	0.0724	0.1448				
31/3	Ngô Thị Quý	0.0702	0.0702	0.1404				
32/3	Huỳnh Ngọc Dũng	0.1102	0.1102	0.2204				
33/3	Đỗ Thị Đạo	0.0581	0.0581	0.1162				
34/3	Trương Thị Hai	0.0858	0.0858	0.1716				
35/3	Ngô Văn Khanh	0.2500	0.0943	0.3443				
36/3	Huỳnh Tấn Sang	0.0560	0.0560	0.1120				
37/3	Đỗ Thị Tý	0.0752	0.0752	0.1504				
38/3	Phan Thị La	0.2022	0.1122	0.3144				
39/3	Nguyễn Thị Tám	0.1670	0.1670	0.3340				
40/3	Phan Xuân Sô	0.1805	0.1805	0.3610				

SỐ HĐ	HỌ VÀ TÊN	DIỆN TÍCH LÚA(HA)			DIỆN TÍCH MÀU(HA)			GHI CHÚ
		ĐX	HT	CỘNG	ĐX	HT	CỘNG	
41/3	Nguyễn Thị Xá	0.0673	0.0673	0.1346				
42/3	Phạm Thị Thu	0.0502	0.0502	0.1004				
43/3	Lê Thị Bảy	0.1642	0.1642	0.3284				
44/3	Trần Thị Tuy	0.0436	0.0436	0.0872				
45/3	Phan Xuân Ba	0.2670	0.2670	0.5340				
46/3	Đỗ Thị Bán	0.2190	0.1690	0.3880				
47/3	Huỳnh Cường	0.2372	0.2168	0.4540				
48/3	Đặng Thị Ngọc Thủy	0.1283	0.0983	0.2266				
49/3	Lê Thị Hát	0.1928	0.1185	0.3113				
50/3	Nguyễn Thị Thận	0.1351	0.0776	0.2127				
51/3	Ng. Thị Phương(Nỡ)	0.2595	0.2595	0.5190				
52/3	Nguyễn Thị Mèo	0.1319	0.0807	0.2126				
53/3	Võ Thị Mau	0.2563	0.1813	0.4376				
54/3	Võ Thị Lau	0.1179	0.1179	0.2358				
55/3	Phạm Thị Yến	0.1188	0.1188	0.2376				
56/3	Nguyễn Thị Quân	0.0543	0.0543	0.1086				
57/3	Đoàn Thị Sơn	0.0480	0.0480	0.0960				
58/3	Nguyễn Thị Hoa(Đến)	0.0843	0.0843	0.1686				
59/3	Đỗ Thị Sự	0.1719	0.1719	0.3438				
60/3	Lê Thị Nga	0.1256	0.1006	0.2262				
61/3	Phan Thị Bánh	0.0450	0.0450	0.0900				
62/3	Võ Thị Diên	0.0483	0.0483	0.0966				
63/3	Trần Thị Thuận	0.1686	0.1686	0.3372				
64/3	Lê Thị Hương	0.1937	0.1937	0.3874				
65/3	Ngô Quyền	0.2156	0.2156	0.4312				
66/3	Ngô Thị Chỉ	0.0979	0.0979	0.1958				
67/3	Võ Thị Mỹ	0.0733	0.0483	0.1216				
68/3	Đoàn Thị Hà	0.0488	0.0488	0.0976				
69/3	Võ Thị Công	0.1215	0.0565	0.1780				
70/3	Nguyễn Thị Tâm	0.1378	0.1378	0.2756				
71/3	Nguyễn Thị Hương	0.0710	0.0710	0.1420				
72/3	Phạm Thị Tươi	0.1158	0.1158	0.2316				
73/3	Trần Ca	0.0536	0.0536	0.1072				
74/3	Phan Thị Trúc	0.2175	0.1460	0.3635				
75/3	Võ Lúa	0.0505	0.0505	0.1010				
76/3	Võ Lân	0.1536	0.0536	0.2072				
77/3	Phan Thị Hát	0.1980	0.1664	0.3644				
78/3	Lâm Thị Hường	0.0492	0.0492	0.0984				
79/3	Trần Thị Hoa(Phận)	0.1815	0.1076	0.2891				
80/3	Phạm Thị Thiện	0.1475	0.0975	0.2450				
81/3	Trần Thị Hai	0.1004	0.1004	0.2008				
82/3	Đỗ Thị Rợ	0.0328	0.0328	0.0656				
83/3	Dương Thị Lại	0.0363	0.0363	0.0726				
84/3	Trần Văn Hoà	0.1500	0.1500	0.3000				
85/3	Huỳnh Minh Quy	0.1321	0.1321	0.2642				
86/3	Phạm Thị Xây	0.1136	0.1136	0.2272				
87/3	Nguyễn Thị Trì	0.0780	0.0780	0.1560				

SỐ HĐ	HỌ VÀ TÊN	DIỆN TÍCH LÚA(HA)			DIỆN TÍCH MÀU(HA)			GHI CHÚ
		ĐX	HT	CỘNG	ĐX	HT	CỘNG	
88/3	Nguyễn Thị Nhỏ	0.1748	0.0748	0.2496				
89/3	Nguyễn Thị Yến	0.0431	0.0431	0.0862				
90/3	Nguyễn Thị Cười	0.1176	0.1176	0.2352				
91/3	Huỳnh T.Hoa(Thương)	0.0573	0.0573	0.1146				
92/3	Trần Thị Bé	0.1070	0.1070	0.2140				
93/3	Phan Thị Châu	0.2103	0.2103	0.4206				
94/3	Trương Thị Năm	0.0455	0.0455	0.0910				
95/3	Võ Thị Bích Ngọc	0.0964	0.0364	0.1328				
96/3	Huỳnh Thị Quyên	0.0420	0.0420	0.0840				
97/3	Lê Thị Ngộ	0.0627	0.0627	0.1254				
98/3	Nguyễn Thị Hoa(Diệt)	0.0464	0.0464	0.0928				
99/3	Nguyễn Thị Lài	0.1380	0.1380	0.2760				
100/3	Nguyễn Thị Lạc	0.0453	0.0453	0.0906				
101/3	Đỗ Thị Ngọc(Việt)	0.2460	0.2460	0.4920				
102/3	Võ Thị Thuý	0.0936	0.0936	0.1872				
103/3	Phan Công Cà	0.1500	0.1500	0.3000				
104/3	Nguyễn Thị Lai	0.0508	0.0508	0.1016				
105/3	Nguyễn Thị Chân	0.1060	0.1060	0.2120				
106/3	Nguyễn Thị Đồng	0.0469	0.0469	0.0938				
107/3	Trần Thị Đà	0.0723	0.0723	0.1446				
108/3	Huỳnh Kim Hồng	0.0894	0.0894	0.1788				
109/3	Trần Minh Hội	0.0731	0.0731	0.1462				
110/3	Nguyễn Thị Sang	0.1653	0.0449	0.2102				
111/3	Ng.Thị Phương(Trần)	0.0852	0.0852	0.1704				
112/3	Trương Thị Xinh	0.0500	0.0500	0.1000				
113/3	Nguyễn Thị Hoa Tô	0.1083	0.1083	0.2166				
114/3	Võ Thị Đào	0.0524	0.0524	0.1048				
115/3	Trương Thị Liễu	0.0770	0.0770	0.1540				
116/3	Nguyễn Thị Minh	0.1122	0.0372	0.1494				
117/3	Phan Thị Tám	0.1123	0.1123	0.2246				
118/3	Phan Thị Chín	0.0871	0.0871	0.1742				
119/3	Trần Thị Khoá	0.0250	0.0250	0.0500				
120/3	Phan Thị Giao	0.1424	0.0504	0.1928				
121/3	Phan Thị Cúc	0.0655	0.0655	0.1310				
122/3	Ngô Thị Nhiều	0.1150	0.1150	0.2300				
123/3	Nguyễn Thị Thu	0.1020	0.1020	0.2040				
124/3	Phan Thị Huỳnh	0.0859	0.0609	0.1468				
125/3	Đỗ Thị Niên	0.0544	0.0544	0.1088				
126/3	Trần Thị Cường	0.0450	0.0450	0.0900				
127/3	Đặng Thị Phát	0.2736	0.2736	0.5472				
128/3	Xa Thị Hoa	0.2250	0.2250	0.4500				
129/3	Trương Thị Hạnh	0.0500	0.0500	0.1000				
130/3	Phan Thị Kim Anh	0.0374	0.0374	0.0748				
131/3	Nguyễn Thị Thắng	0.0509	0.0509	0.1018				
132/3	Lê Thị Mua	0.1109	0.0509	0.1618				
133/3	Phan Thị Chiêu	0.0509	0.0509	0.1018				
134/3	Huỳnh Lánh	0.0400	0.0400	0.0800				

**KẾ HOẠCH LÚA ĐỒNG TIỀN 2026 BƠM ĐIỆN HỎI ĐÀ**

Số TT	HỌ VÀ TÊN	ĐX	HT	TC			
1	Phạm Thị Nữ	0.0460	0.0460	0.0920			
2	Dương Thị Lại	0.0672	0.0672	0.1344			
3	Trần Thị Điền	0.1217	0.1217	0.2434			
4	Bùi Thị Vân	0.1161	0.1161	0.2322			
5	Đặng Văn Hào	0.0556	0.0556	0.1112			
6	Phan Xuân Sô	0.0695	0.0695	0.1390			
7	Trương Thị Lợi	0.2582	0.2582	0.5164			
8	Nguyễn Thị Minh	0.1737	0.1737	0.3474			
9	Võ Thị Toàn	0.1696	0.1696	0.3392			
10	Đặng Hào	0.1250	0.1250	0.2500			
11	Đặng Thị Tịnh	0.0941	0.0941	0.1882			
12	Võ Xuân Mai	0.0556	0.0556	0.1112			
13	Võ Thị Đào	0.1932	0.1932	0.3864			
14	Trương Thị Tiến	0.1131	0.1131	0.2262			
15	Huỳnh Kim Thuận	0.1922	0.1922	0.3844			
16	Phan Xuân Thống	0.0707	0.0707	0.1414			
17	Trương Nhé	0.1107	0.1107	0.2214			
18	Trần Thị Hồng	0.0529	0.0529	0.1058			
19	Nguyễn Thị Lai(Cho)	0.0590	0.0590	0.1180			
20	Nguyễn Thị Bông(Kỳ)	0.0499	0.0499	0.0998			
21	Huỳnh Thị Hữu	0.0535	0.0535	0.1070			
22	Nguyễn Thị Huệ	0.0798	0.0798	0.1596			
23	Trần Văn Công	0.1423	0.1423	0.2846			
24	Nguyễn Thị Hương	0.1291	0.1291	0.2582			
25	Trần Hà	0.0945	0.0945	0.1890			
26	Phan thị Anh	0.0410	0.0410	0.0820			
27	Đỗ Cước	0.0517	0.0517	0.1034			
28	Phan Thị Mỹ	0.0563	0.0563	0.1126			
29	Phan Xuân Hội	0.0565	0.0565	0.1130			
30	Phan Thị Hữu	0.0703	0.0703	0.1406			
31	Đặng Mai Liên	0.3423	0.3423	0.6846			
32	Cao Thị Khê	0.0902	0.0902	0.1804			
33	Võ Thị Tàu	0.0532	0.0532	0.1064			
	<b>Cộng:</b>	<b>3.4547</b>	<b>3.4547</b>	<b>6.9094</b>			

Cẩm Kim ngày 30 tháng 9 năm  
TM/TỔ HỢP TÁC DÙNG NƯỚC C.

**TỔ TRƯỞNG**



**ĐỖ THỊ R**

KẾ HOẠCH CẤP BÙ MGTLP ĐẤT LÚA TỰ TỨC NĂM 2026 CÁC TRẠM BƠM NHỎ

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	DIỆN TÍCH LÚA ( ha)			GHI CHÚ
		ĐX	HT	CỘNG	
1	Nguyễn Thị Đông	0.0500	0.0500	0.1000	
2	Trần Văn Năm	0.0700	0.0700	0.1400	
3	Phạm Văn Như	0.1283	0.1283	0.2566	
4	Trần Văn Tài	0.0867	0.0867	0.1734	
5	Trần Văn Lực	0.0619	0.0619	0.1238	
6	Đỗ Văn Mạnh	0.1231	0.1231	0.2462	
7	Ngô Văn Chức	0.0800		0.0800	
8	Huỳnh Thị Bé	0.0500		0.0500	
9	Huỳnh Thị Tiên	0.0500		0.0500	
10	Trương Thị Hiền	0.0300		0.0300	
11	Trương Thị Xinh	0.0492		0.0492	
12	Huỳnh Ngọc Dũng	0.0435		0.0435	
13	Phan Thị Điềm	0.0300		0.0300	
14	Hoàng Tiến Dâng	0.1477	0.1477	0.2954	
15	Hoàng Tiến Dũng	0.1050	0.1050	0.2100	
16	Trần Văn Ba	0.0946	0.0946	0.1892	
17	Hoàng Phú	0.1155	0.1155	0.2310	
18	Huỳnh Kim Tăng	0.1202	0.1202	0.2404	
19	Huỳnh Kim Mau	0.0270	0.0270	0.0540	
20	Nguyễn Văn Kỳ	0.0520	0.0520	0.1040	
21	Huỳnh Kim Gặp	0.1374	0.1374	0.2748	
22	Huỳnh Kim Hòa	0.0800	0.0800	0.1600	
23	Huỳnh Kim Hùng	0.0247	0.0247	0.0494	
24	Hoàng Ngọc Trung	0.1000	0.1000	0.2000	
25	Trương Thị Đào	0.1124	0.1124	0.2248	
26	Nguyễn Thị Thơ	0.0390	0.0390	0.0780	
27	Trần Văn Hùng	0.0300	0.0300	0.0600	
28	Phạm Thị Tươi	0.0636	0.0636	0.1272	
29	Lâm Thị Hương	0.0750	0.0750	0.1500	
30	Phan Thị Liễu	0.0800	0.0800	0.1600	
31	Trần Thị Thọ	0.0825	0.0825	0.1650	
32	Nguyễn Thị Vân	0.0543	0.0543	0.1086	
33	Phạm Ly	0.1000		0.1000	
34	Trần Cảnh	0.0785		0.0785	
35	Phan Đây	0.0500		0.0500	
36	Đỗ Văn Hiếu	0.0750		0.0750	
37	Dương Thị Lanh	0.1070		0.1070	
38	Đỗ Văn Chung	0.1194		0.1194	
39	Nguyễn Cường	0.1000		0.1000	
40	Đỗ Thị Ngọc	0.1300		0.1300	

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	DIỆN TÍCH LÚA ( ha)			GH
		ĐX	HT	CỘNG	
41	Huỳnh Thị Phi	0.0250		0.0250	
42	Phan Thị Đào	0.0400		0.0400	
43	Huỳnh Thị Đề	0.0600		0.0600	
44	Trần Thị Nhân(Hải SX)	0.0300		0.0300	
45	Trần Thị Hải	0.2233		0.2233	
46	Huỳnh Lý	0.1067	0.1067	0.2134	
47	Nguyễn Mạnh Thấn	0.0682	0.0682	0.1364	
48	Huỳnh Kim Mười	0.1283	0.1283	0.2566	
49	Nguyễn Thị Hà Sở	0.1000	0.1000	0.2000	
50	Tô Thị Anh	0.0900	0.0900	0.1800	
51	Nguyễn Thị Lài	0.1000	0.1000	0.2000	
52	Đỗ Hữu Thái	0.0593	0.0593	0.1186	
53	Phạm Thị Hương	0.0883	0.0883	0.1766	
54	Huỳnh Thị ái	0.0450	0.0450	0.0900	
55	Dương Thị Hoa	0.0808	0.0808	0.1616	
56	Dương Nguyễn	0.0809	0.0809	0.1618	
57	Phạm Thị Liên	0.1200	0.1200	0.2400	
58	Đỗ Xuân Quang	0.0453	0.0453	0.0906	
59	Tô Văn Hưng	0.0621	0.0621	0.1242	
60	Nguyễn Thị Tứ Chị	0.1000	0.1000	0.2000	
61	Nguyễn Thị Chà	0.0518	0.0518	0.1036	
62	Nguyễn Đình Bán	0.0703	0.0703	0.1406	
63	Đỗ Hốt	0.0569	0.0569	0.1138	
64	Nguyễn Sô	0.0607	0.0607	0.1214	
65	Nguyễn Thị Dung	0.0685	0.0685	0.1370	
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>5.1149</b>	<b>3.6440</b>	<b>8.7589</b>	

Cầm Kim ngày 30 tháng  
 TM/TỔ HỢP TÁC DÙNG M

TỔ TRƯỞNG

ĐC